TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 646/2024/HC-PT
Ngày: 02/12/2024
Khởi kiện QĐ giải quyết khiếu nại, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;
Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 474/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "Khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai", do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2024/HC-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12813/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024.

**** Người khởi kiện:*** Bà Vũ Thị N, sinh năm 1960 và ông Hà Văn H, sinh năm 1961; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bà N có mặt, ông H vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông H: Ông Trương Quốc V, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà A, phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

**** Người bị kiện****:* Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Quốc T - Chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Khu C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang T1 - Giám đốc; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Ông Hà Như Q, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

4. Bà Trần Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Hà Như Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện là ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N trình bày như sau:

Ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N có diện tích đất ở và đất vườn tại thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Nguồn gốc đất được bố mẹ ông H là cụ Hà Văn V1 và Trần Thị T2 cho tách hộ và tách thửa từ năm 1984, sử dụng ổn định từ đó đến nay, không lấn chiếm hoặc tranh chấp với ai. Sau khi được bố mẹ tách đất, ông H bà N đã xây dựng các công trình trên đất gồm: 01 nhà ở 2 gian xây năm 1988 đã cũ, 01 móng nhà xây bằng đá năm 1994.

Theo hồ sơ bản đồ địa chính 299/TTg đo vẽ năm 1986: Đất của ông H, bà N ở vị trí thửa 469, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích 736m², trong đó đất ở 200m², đất chuyên canh lúa 536m²; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0025218, vào sổ số 1180 ngày 25/5/1994.

Theo hồ sơ bản đồ địa chính đo vẽ năm 2003: Đất của ông H, bà N ở vị trí thửa 1452A, tờ bản đồ số 16, tổng diện tích 841m², trong đó đất ở 200m², đất chuyên canh lúa 641m²; được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X119030, số vào sổ 1281/QSDĐ/432/QĐ-CT ngày 12/5/2003.

Nhưng sau đó, Ủy ban nhân huyện V đã ra Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở của gia đình ông bà với lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng diện tích, ranh giới đất (thửa đất của hộ ông Hà Văn H, bà Vũ Thị N đã đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hà Như Q, bà Trần Thị M và ngược lại) và hướng dẫn cho hai hộ làm thủ tục để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H và bà N đã nhiều lần làm đơn đề nghị được làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện V đưa ra lý do không chính đáng để từ chối việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

Cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân huyện V có các Văn bản số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 trả lời khiếu nại của ông H, bà N với nội dung: "Hiện trạng thửa đất của hộ bà Vũ Thị N, ông Hà Văn H về phía Tây Bắc giáp đất của hộ ông Hà Như Q, bà Trần Thị M không có ranh giới rõ ràng (tường rào, mốc giới cố định). Tại thực địa, cả hai gia đình cũng không thống nhất để xác định ranh giới giữa hai thửa đất. Theo bản đồ 299 xã V vẽ năm năm 1986, tại vị trí này đo bao cả khu dân cư và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1994 cũng không thể hiện hình dạng, kích thước cụ thể của từng thửa đất. Do vậy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V không đủ cơ sở để thực hiện đo đạc chỉnh lý thửa đất phục vụ công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hà Văn H, bà Vũ Thị N".

Văn bản số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 còn có nội dung: "Trên cơ sở giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V và kết quả niêm yết công khai nội dung đo đạc hiện trạng thửa đất của UBND xã V thì thửa đất của hộ bà Vũ Thị N, ông Hà Văn H hiện không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 do đang có tranh chấp".

Các Văn bản trả lời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V còn có nội dung đề nghị hộ ông Hà Văn H, bà Vũ Thị N và ông Hà Như Q, bà Trần Thị M chủ động xác định ranh giới và cắm mốc trên thực địa đất sử dụng của hai hộ.

Ông H, bà N cho rằng khi hiện trạng đất chưa có ranh giới mà người sử dụng đất không tự xác định được ranh giới, thì trách nhiệm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải xác định diện tích và ranh giới cho người sử dụng, không thể yêu cầu người sử dụng đất phải tự xác định ranh giới đất. Ông, bà xét thấy việc UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi không đúng diện tích, ranh giới đất là thiếu sót của cơ quan Nhà nước, không phải do lỗi của người sử dụng đất kê khai không đúng và khẳng định nội dung trong các Văn bản trả lời của Chủ tịch UBND huyện V về lý do không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà là không đúng thực tế, trái với quy định pháp luật.

Đối với ý kiến của ông Hà Như Q và bà Trần Thị M nói rằng phải được chia thêm phần đất của ông H, bà N vì đất là của bố mẹ cho ba anh em, nhưng ông Q đã bỏ tiền ra mua đất cho ông Hà Huy B (là em trai) ở nơi khác. Ngoài ra, gia đình ông Q đã chi phí cho con của ông H, bà N học tập và gia đình bà N trước đi Đắk Lắk đã cho gia đình ông Q đất là không đúng sự thật. Các lý do ông Q, bà M đưa ra hoàn toàn không liên quan và không phải là tranh chấp ranh giới đất giữa hai hộ. Ông Q, bà M không ký biên bản làm việc xác định ranh giới đất là

hành vi chống đối cơ quan Nhà nước, gây khó khăn đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

Ông H, bà N khẳng định việc sai sót khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trách nhiệm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Về lý do nói rằng đất của ông H, bà N chưa có hình dạng, kích thước, không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ, không xác định đúng trách nhiệm của cơ quan Nhà nước theo quy định. Hành vi không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, bà của UBND huyện V là trái pháp luật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông H, bà N đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Hủy các Văn bản trả lời số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện V về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H.

- Buộc UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 1452A, tờ bản đồ số 16 đo vẽ năm 2003; vị trí: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Sơ đồ hiện trạng thửa đất theo kết quả thẩm định được ông H, bà N dẫn mốc, trường hợp cần thiết phải điều chỉnh số liệu thửa đất thì chấp nhận theo kết quả đo đạc khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Văn bản ghi ý kiến số 372/UBND-TNMT ngày 30/01/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện V trình bày:

Việc tranh chấp ranh giới thửa đất xảy ra giữa hộ bà Vũ Thị N, ông Hà Văn H với hộ ông Hà Như Q, bà Trần Thị M tại thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa do ông Hà Như Q (anh trai ông Hà Văn H - chủ sử dụng thửa đất liền kề) là người có đơn kiến nghị ban đầu, UBND xã V đã nhiều lần thực hiện công tác hòa giải nhưng không thành.

Sau khi kiểm tra, xác minh, UBND huyện V đã ban hành các văn bản trả lời, giải quyết nội dung kiến nghị của ông Hà Như Q như sau:

1. Công văn số 2180/UBND-TMMT ngày 13/8/2022 về việc trả lời đơn của công dân Hà Như Q - thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa với nội dung kết luận:

- Thửa đất của hộ ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N đã đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp GCNQSDĐ lần đầu năm 1994 theo hồ sơ địa chính Bản đồ 299/TTg và cấp đổi năm 2003 sau khi xã V đo đạc lại bản đồ địa chính.

- Việc ông Hà Như Q tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ ông Hà Văn H, bà Vũ Thị N với những lý do: gia đình ông H bà N đã để lại đất cho gia đình ông Q, gia đình ông H bà N vay tiền của gia đình ông Q, năm 2016 mẹ ông là cụ Trần Thị T2 có đơn đề nghị chia lại thửa đất thành 03 phần nhưng không được xã giải

quyết, tuy nhiên ông Q không có bất cứ hồ sơ, giấy tờ gì chứng minh nên không có cở sở để xem xét giải quyết.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện V cấp năm 2003 cho hai hộ gia đình bị sai lệch vị trí so với hiện trạng sử dụng đất. Yêu cầu UBND xã V căn cứ vào nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất để hướng dẫn hai hộ gia đình làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với vị trí thực tế đang sử dụng theo quy định.

2. Công văn số 3097/UBND-TTH ngày 28/10/2022 về việc trả lời đơn của ông Hà Như Q, thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, UBND huyện V xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị M (Quyến) và hộ bà Vũ Thị N (H) vào thời điểm năm 2003 là không đúng quy định pháp luật (do bị sai sót, không trùng khớp với thông tin giữa hồ sơ đo vẽ bản đồ địa chính và hiện trạng sử dụng đất).

Từ đó, UBND huyện V đã ban hành Thông báo số 158/TB-UBND, Thông báo số 159/TB-UBND và các Quyết định số 994/QĐ-UBND, 995/QĐ-UBND cùng ngày 11/4/2023 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2003 cho hộ bà Trần Thị M (Quyến) và hộ bà Vũ Thị N (Hoằng). Trong đó đã giao nhiệm vụ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V thực hiện việc thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đã thu hồi; cập nhật, chỉnh lý biến động vào sổ địa chính theo quy định; Hướng dẫn chủ sử dụng đất hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Sau đó, bà Vũ Thị N có đơn kiến nghị về việc chậm cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà sau khi thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2003.

UBND huyện V đã ban hành các Văn bản trả lời, giải quyết nội dung kiến nghị của bà Vũ Thị N, cụ thể như sau:

- Công văn số 1057/UBND-TNMT ngày 20/4/2023 về việc trả lời Đơn của công dân Vũ Thị N - Quê quán: thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

- Công văn số 1315/UBND-TNMT ngày 20/4/2023 về việc phối hợp, hướng dẫn công dân lập hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/5/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V đã có Công văn số 120/CV-UBND về việc xử lý, giải quyết theo nội dung Phiếu đề nghị đo đạc (để làm cơ sở cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của ông Lý Văn Đ (người được bà Vũ Thị N ủy quyền) đối với thửa đất của hộ bà Vũ Thị N tại thôn X, xã V, huyện V. Theo đó, hiện trạng thửa đất của ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N về phía T có tiếp giáp với thửa đất của hộ ông Hà Như Q và bà Trần Thị M, nhưng giữa hai thửa đất không có ranh giới rõ ràng (không có tường rào, mốc giới cố định). Tại thực địa, cả hai gia đình cũng không thống nhất để xác

định được ranh giới giữa hai thửa đất. Cùng với đó là Bản đồ 299 xã V vẽ năm 1986, tại vị trí này đo bao cả khu dân cư và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1994 cũng không thể hiện hình dạng, kích thước cụ thể của từng thửa đất. Do vậy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V không đủ cơ sở để thực hiện đo đạc, chỉnh lý thửa đất phục vụ công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Hà Văn H cùng vợ là Vũ Thị N theo quy định.

Trên cơ sở kết quả giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, UBND huyện V đã ban hành các văn bản trả lời đối với khiếu nại của bà Vũ Thị N như sau:

- Công văn số 1577/UBND-TNMT ngày 06/6/2023 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H tại thôn X, xã V, huyện V.

- Công văn số 2277/UBND-TNMT ngày 03/8/2023 về việc trả lời đơn của bà Vũ Thị N về đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn X, xã V, huyện V.

UBND huyện V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất và thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn.

Tại Văn bản ghi ý kiến số 144/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 17/5/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V trình bày:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X119030, số vào sổ 1281/QSDĐ/432/QĐ-CT ngày 12/5/2003 cấp cho hộ gia đình bà N, ông H sai diện tích, số thửa, vị trí nên UBND huyện V thu hồi là đúng quy định. Sau khi bị thu hồi, việc làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là nghĩa vụ của người sử dụng đất. Sau khi thiết lập hồ sơ nếu có đủ điều kiện sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngày 17/5/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V cùng lãnh đạo UBND huyện V, phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND xã V, đồng thời mời đại diện các hộ sử dụng đất liền kề với thửa đất của gia đình bà Vũ Thị N có mặt tại thực địa thửa đất để xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất giữa các hộ phục vụ đo đạc chỉnh lý thửa đất của bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H.

Tại buổi làm việc, đoàn làm việc đã lập Biên bản làm việc trong đó có nội dung ghi nhận thửa đất của bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H có ranh giới phía Bắc giáp với hộ ông Hà Như Q vẫn chưa thống nhất được mốc giới, ông Q không thống nhất với ranh giới mà ông H, bà N xác định tại thực địa. Vì vậy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V không đủ cơ sở để đo đạc chỉnh lý thửa đất

của bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V đã ban hành Văn bản số 120/CV-CNVPĐK ngày 22/5/2023 về việc xử lý giải quyết theo nội dung Phiếu đề nghị đo đạc của ông Lý Văn Đ thường trú tại thôn T, xã V (là người đại diện cho ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N).

Trường hợp tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Hà Như Q và gia đình bà Vũ Thị N chưa được giải quyết, ranh giới giữa hai hộ vẫn không thống nhất được thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V vẫn không đủ cơ sở để đo đạc chỉnh lý thửa đất của bà Vũ Thị N và ông Hà Như Q. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Văn bản ghi ý kiến số 29/UBND ngày 16/5/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã V trình bày:

Thửa đất của hộ ông Hà Văn H và hộ ông Hà Như Q có nguồn gốc là đất của bố mẹ đẻ hai ông là cụ Hà Văn V1 và Trần Thị T2. Năm 1984, ông Hà Văn H đã sử dụng ổn định thửa đất. Đến năm 1994, ông H được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 736m² (trong đó 200m² đất ở, 536m² đất cây lâu năm). Vị trí thửa số 469, tờ bản đồ số 09, bản đồ 299 xã V, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 1180, số Giấy chứng nhận E0025218, cấp ngày 25/5/1994. Đến năm 2003, ông Hà Văn H được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng khi lập hồ sơ địa chính sau đo đạc bản đồ năm 2002 đã có sự nhầm lẫn dẫn tới việc đăng ký sai số thửa đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị sai (cụ thể thửa đất của hộ ông Hà Văn H đã đăng ký và cấp Giấy chứng nhận cho gia đình ông Hà Như Q và ngược lại). Hiện nay thửa đất đã đăng ký trong hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận không đúng với hiện trạng sử dụng đất từ trước tới nay của hai gia đình (hai gia đình từ khi sử dụng đất tới nay không thực hiện thủ tục tặng cho, chuyển nhượng hay đổi quyền sử dụng đất). Nhưng hộ ông Q không thống nhất được ranh giới với hộ ông H, việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H, bà N chưa thực hiện được. Đề nghị Tòa án trên cơ sở hồ sơ, chứng cứ liên quan đưa ra phán quyết phân định mốc giới giữa hai hộ để Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng.

Ý kiến của ông Hà Như Q và bà Trần Thị M: Theo ông, bà thì có hai lý do không đồng ý xác định ranh giới đất với ông H, bà N. Thứ nhất là năm 2014, mẹ ông là cụ Trần Thị T2 (đã chết năm 2019) có nói là cho ông Hà Huy B (là em của các ông) cũng được chia quyền sử dụng đất, do đó hai thửa đất của hộ ông Q và hộ ông H phải được chia cho ba anh em. Nhưng ông Q đã bỏ tiền mua đất cho ông B ở nơi khác thì ông Q được hưởng phần đất của ông B. Nay hai thửa đất này phải chia thành ba phần, hộ ông Q được hưởng hai phần, hộ ông H được hưởng một phần mới đúng. Thứ hai là trước khi đi vào tỉnh Đắk Lắk, ông H, bà N đã nói để lại cho ông Q đất, vì vậy ông Q đã chi phí tiền học phổ thông và đại học cho con gái của ông H, bà N (là cháu Hà Thị N1, sinh năm 1986), nay ông H, bà N

phải giao đất hoặc trả tiền cho ông Q. Tuy vậy, ông Q và bà M khẳng định hiện nay không có yêu cầu khởi kiện tranh chấp đất hoặc đòi nợ đối với ông H, bà N.

Ý kiến của ông Hà Huy B: Ông khẳng định chưa bao giờ nghe được bố mẹ nói cho đất, ông Q và bà M nói năm 2014 cụ T2 là mẹ nói cho ông B đất là không đúng. Ông B cũng không thừa nhận đã được ông Q bỏ tiền mua đất cho ông, đất của ông B không liên quan đến ông Q. Ông B cũng khẳng định không có tranh chấp đất với ông Q và ông H.

Về kết quả xem xét, thẩm định thực tế:

Theo kết quả xem xét thẩm định ngày 25/3/2024, hiện trạng thửa đất số 1452A, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã V vẽ năm 2003, địa chỉ thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa: Phía Bắc giáp đất hộ ông Hà Như Q, phía Nam giáp đường giao thông, phía Đông giáp đất hộ bà Hà Thị Q1, phía Tây giáp đất hộ ông Trần Văn B1; trên đất có các công trình xây dựng gồm 01 nhà 02 gian 01 chái, 01 móng nhà xây, 01 giếng nước, tường rào bao quanh thửa đất, một số cây không có giá trị lớn.

Kết quả đo đạc theo dẫn mốc ranh giới của ông Hà Như Q và bà Trần Thị M: Thửa đất có diện tích 647,5m².

Kết quả đo đạc theo dẫn mốc ranh giới của ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N: Thửa đất có diện tích 800,8m²;

Theo trích đo bản đồ địa chính do UBND xã V: Thửa đất có diện tích 840,9m².

(Có sơ đồ kèm theo).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2024/HC-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 1 Điều 116; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 4 Điều 49; điểm a, điểm g khoản 1 Điều 100; khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai; Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 18, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; điểm c khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N, cụ thể:

1. Hủy các Văn bản trả lời số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023; Văn bản trả lời số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H;

2. Tuyên bố hành vi không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N là trái pháp luật;

3. Buộc Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vũ Thị N, ông Hà Văn H theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 1452A, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã V vẽ năm 2003; vị trí thửa đất: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở dẫn mốc của ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N, số liệu cụ thể theo kết quả đo đạc khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hà Như Q có đơn kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 131/2024/HC-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Vũ Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện là UBND huyện V, Chủ tịch UBND huyện V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Thanh Hóa đã có văn bản xin vắng mặt, UBND xã V và bà Trần Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; ông Hà Như Q giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì thấy Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà Như Q kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu gì mới để bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên "Buộc UBND huyện V thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vũ Thị N, ông Hà Văn H theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 1452A, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã V vẽ năm 2003; vị trí thửa đất: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở dẫn mốc của ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N, số liệu cụ thể theo kết quả đo đạc khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" là không đúng, cần phải sửa lại cách tuyên theo hướng buộc UBND huyện V thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Như Q và sửa cách tuyên tại mục 3 quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Hà Văn H vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền; người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V đã có văn bản xin xét xử vắng mặt; UBND xã V và bà Trần Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2]. Về thời hạn và thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Như Q gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung, phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023 và đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện đề ngày 01/11/2023, ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N đề nghị Tòa án hủy Văn bản trả lời số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023, Văn bản trả lời số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 của UBND huyện V và buộc UBND huyện V phải phối hợp với cơ quan đăng ký đất đai thực hiện làm thủ tục và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hà Văn H, bà Vũ Thị N do bà Vũ Nhị N2 đứng tên tại vị trí thửa đất số 1452A, tờ bản đồ số 16 địa chính xã đo vẽ năm 2003.

Các văn bản nêu trên của UBND huyện V và việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện V là quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên là đối tượng khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết và xác định còn trong thời hiệu khởi kiện là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. **Về nội dung**: Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Như Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1]. Về trình tự, thẩm quyền ban hành Văn bản trả lời số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản trả lời số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V:

Văn bản trả lời số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện V về việc trả lời không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà N2 được ban hành tuy không đúng về hình thức quyết định, nhưng đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết.

[2.2]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông Hà Văn H, bà Vũ Thị N:

Thửa đất của hộ ông H, bà N yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất của ông Hà Văn V2, bà Trần Thị T2 (là bố, mẹ đẻ ông H) chia tách thành 02 thửa cho ông Hà Văn H và em trai là ông Hà Như Q. Ngày 25/5/1994, ông H được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0024218, số vào sổ 1180, diện tích 736m² (trong đó: đất ở 200m², đất chuyên canh lúa 536m²), vị trí thửa đất số 469, tờ bản đồ số 09, bản đồ 299 xã V.

Ngày 12/5/2003, ông H được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 119030, số vào sổ 1281/QSDĐ/432/QĐ-CT, vị trí thửa đất số 1452A, tờ bản đồ số 16, diện tích 841m² (trong đó đất ở 200m², đất chuyên canh lúa 641m²). Tuy nhiên, khi lập hồ sơ địa chính sau đo đạc bản đồ năm 2002 đã có sự nhầm lẫn dẫn đến việc đăng ký sai số thửa đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai đối tượng sử dụng đất. Cụ thể, thửa đất của hộ ông Hà Văn H đã đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Như Q và ngược lại. Quá trình sử dụng đất, hai gia đình không thực hiện thủ tục tặng cho, chuyển nhượng hay chuyển đổi quyền sử dụng đất cho bất kỳ ai. Hiện nay, trong hồ sơ địa chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng với hiện trạng sử dụng đất từ trước đến nay của hai gia đình.

[2.3]. Ngày 11/4/2023, UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 994/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị M (Quyến) và Quyết định số 995/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho hộ bà Vũ Thị N với lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng diện tích, ranh giới thửa đất và giao cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V thực hiện việc thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thu hồi; cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính theo quy định; hướng dẫn chủ sử dụng đất hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà N nhiều lần có đơn đề nghị UBND huyện V cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà. Tuy nhiên, tại Văn bản số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023, UBND huyện V cho rằng ranh giới thửa đất của ông H, bà N với đất của ông Hà Như Q và bà Trần Thị M chưa được phân định, ông Q và bà M không thống nhất xác định ranh giới đất với ông H và bà N nên không đo đạc, chỉnh lý được là không đúng quy định và hiện trạng thửa đất ông H, bà N đang sử dụng. Vị trí, diện tích thửa đất của ông H, bà N đã được xác định tại bản đồ cũng như hồ sơ địa chính và đã qua hai lần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đặc biệt là lần cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 đã xác định được hình dạng và kích thước thửa

đất, chỉ là sai số thửa nên bị thu hồi. Nay chỉ cần xác định đúng hộ sử dụng đất, đúng số thửa để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với đối tượng sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về ranh giới như sau: Ranh giới đất giữa các thửa đất liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và điểm 1.2 khoản 1 Điều 11 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định: *"Trường hợp không có tranh chấp: Ranh giới được xác định theo hiện trạng đang sử dụng, quản lý; Trường hợp đang có tranh chấp về ranh giới:... Nếu không thể xác định được ranh giới thực tế đang sử dụng, quản lý thì được phép đo vẽ khoanh bao các thửa đất tranh chấp"*. Như vậy, trong trường hợp này Ủy ban nhân dân huyện V và các cơ quan liên quan phải có trách nhiệm đo đạc xác định ranh giới, hình dạng, kích thước thửa đất hộ ông H, bà N.

[2.4]. Đối với nội dung kết luận của UBND huyện V cho rằng đất của ông H, bà N không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Đất đai (đất không có giấy tờ theo Điều 100 Luật Đất đai) là không đúng với thực tế. Đất của ông H, bà N được tách thửa và ghi tên chủ hộ sử dụng từ những năm 1980 đến nay thuộc các trường hợp có giấy tờ theo quy định tại điểm a và điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai, do đó có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[2.5]. Từ các phân tích nêu trên, xét thấy nội dung Văn bản trả lời số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà N với các lý do đất đang có tranh chấp ranh giới, chưa có hình dạng và kích thước, không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ, không đúng với thực tế sử dụng đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy Văn bản trả lời số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V để Ủy ban nhân dân huyện V tiến hành thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H, bà N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/7/2024 UBND huyện V đã ban hành Văn bản số 2663/UBND-TNMT về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; trong đó có nội dung:

1. Giao UBND xã V chủ trì, phối hợp với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V hướng dẫn hộ bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1452A, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã V vẽ năm 2002; vị trí thửa đất tại thôn Á, xã V trên cơ sở dẫn mốc của bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Văn bản này thay thế cho các Văn bản số 1577/UBND-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 03/8/2023 của UBND huyện V.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Tố tụng hành chính thì trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, người bị kiện có quyền sửa đổi quyết định hành chính. Do vậy, việc Chủ tịch UBND huyện V ban hành Văn bản số 2663/UBND-TNMT ngày 23/7/2024 thay thế cho các Văn bản số 1577/UBND-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện V là phù hợp quy định pháp luật.

[2.6]. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Hà Như Q, bà Trần Thị M cho rằng ông Q và ông H đều được bố mẹ cho đất tách hộ ở cạnh nhau từ những năm 1980. Giữa hai hộ tự ước lượng diện tích đất sử dụng và giữ khoảng cách với nhau; ông Q, bà M thừa nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà N đã được bố mẹ cho nhưng ông cũng đã bỏ tiền mua đất cho ông B ở chỗ khác và phần đất của ông B là của ông; đồng thời năm 1995 ông H, bà N đã để lại đất cho gia đình ông nên ông không ký xác nhận ranh giới như ông H, bà N chỉ dẫn. Xét thấy, nội dung này của ông Q, bà M không liên quan đến việc giải quyết vụ án hành chính, trường hợp các đương sự không thỏa thuận, thống nhất được với nhau thì có thể khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Q2 không xuất trình được tài liệu gì mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Q2. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên "Buộc Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vũ Thị N, ông Hà Văn H theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 1452A, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã V vẽ năm 2003; vị trí thửa đất: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở dẫn mốc của ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N, số liệu cụ thể theo kết quả đo đạc khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" là vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Như Q và sửa lại cách tuyên của bản án án sơ thẩm cho chính xác.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hà Như Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông Hà Như Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Và các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Như Q; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2024/HC-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 1 Điều 116; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 4 Điều 49; điểm a điểm g khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 105 của Luật Đất đai; Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 18, Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; điểm c khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N, cụ thể:

- Hủy các Văn bản trả lời số 1577/UB-TNMT ngày 06/6/2023 và Văn bản trả lời số 2277/UB-TNMT ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vũ Thị N và ông Hà Văn H;

- Tuyên bố hành vi không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hà Văn H và bà Vũ Thị N là trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện V phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Hà Như Q được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Hải